

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN
THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 03/2025

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
	a. Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK Hà Nội			
1	BVS			BVS
2	CAP			CAP
3	CEO			CEO
4	CIA			CIA
5	CSC			CSC
6	DHT			DHT
7	DL1			DL1
8	DNP			DNP
9	DTD			DTD
10	DVM			DVM
11	DXP			DXP
12	GKM			GKM
13	HHC			HHC
14	HJS			HJS
15	HLC			HLC
16	HUT			HUT
17	IDC			IDC
18	IDV			IDV
19	INN			INN
20	IPA			IPA
21	L14			L14
22	LAS			LAS
23	LHC			LHC
24	LIG			LIG



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
25	MBS			MBS
26	MDC			MDC
27	NAG			NAG
28	NBC			NBC
29	NDN			NDN
30	NSH			NSH
31	NTP			NTP
32	PBP			PBP
33	PCH			PCH
34	PGN			PGN
35	PLC			PLC
36	PSD			PSD
37	PTI			PTI
38	PVB			PVB
39	PVC			PVC
40	PVG			PVG
41	PVI			PVI
42	PVS			PVS
43	S99			S99
44	SCG			SCG
45	SCI			SCI
46	SD9			SD9
47	SHS			SHS
48	SLS			SLS
49	SVN			SVN
50	TDT			TDT
51	THT			THT
52	TIG			TIG
53	TNG			TNG
54	TPP			TPP
55	TV4			TV4
56	TVD			TVD
57	VC3			VC3
58	VC7			VC7
59	VCS			VCS
60	VGS			VGS
61	VHE			VHE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
62	VNR			VNR
63	VTZ			VTZ
	b.Danh mục chứng khoán ký quỹ tại Sở GDCK TP.HCM			
1	AAA			AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	ADS			ADS
6	AGG			AGG
7	AGR			AGR
8	ANV			ANV
9	APG			APG
10	ASM			ASM
11	AST			AST
12	BAF			BAF
13	BCG			BCG
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BKG			BKG
19	BMC			BMC
20	BMI			BMI
21	BMP			BMP
22	BSI			BSI
23	BTP			BTP
24	BVH			BVH
25	BWE			BWE
26	C32			C32
27	CCL			CCL
28	CDC			CDC
29	CHP			CHP
30	CII			CII
31	CMG			CMG
32	CNG			CNG
33	CRC			CRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
34	CSM			CSM
35	CSV			CSV
36	CTD			CTD
37	CTF			CTF
38	CTG			CTG
39	CTI			CTI
40	CTR			CTR
41	CTS			CTS
42	CVT			CVT
43	DBC			DBC
44	DBD			DBD
45	DBT			DBT
46	DC4			DC4
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGC			DGC
50	DGW			DGW
51	DHA			DHA
52	DHC			DHC
53	DHG			DHG
54	DHM			DHM
55	DIG			DIG
56	DPG			DPG
57	DPM			DPM
58	DPR			DPR
59	DRC			DRC
60	DSN			DSN
61	DVP			DVP
62	DXG			DXG
63	E1VFN30			E1VFN30
64	EIB			EIB
65	ELC			ELC
66	EVF			EVF
67	FCN			FCN
68	FIR			FIR
69	FMC			FMC
70	FPT			FPT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
71	FRT			FRT
72	FTS			FTS
73	FUEMAV30			FUEMAV30
74	FUESSV30			FUESSV30
75	FUESSVFL			FUESSVFL
76	FUEVFNVD			FUEVFNVD
77	FUEVN100			FUEVN100
78	GAS			GAS
79	GDT			GDT
80	GEG			GEG
81	GEX			GEX
82	GMD			GMD
83	GSP			GSP
84	GVR			GVR
85	HAH			HAH
86	HAP			HAP
87	HAX			HAX
88	HCD			HCD
89	HCM			HCM
90	HDB			HDB
91	HDC			HDC
92	HDG			HDG
93	HHP			HHP
94	HHS			HHS
95	HHV			HHV
96	HMC			HMC
97	HPG			HPG
98	HPX			HPX
99	HQC			HQC
100	HSG			HSG
101	HSL			HSL
102	HT1			HT1
103	HTN			HTN
104	HUB			HUB
105	HVH			HVH
106	IDI			IDI
107	IJC			IJC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
108	ILB			ILB
109	IMP			IMP
110	ITC			ITC
111	KBC			KBC
112	KDC			KDC
113	KDH			KDH
114	KHG			KHG
115	KHP			KHP
116	KMR			KMR
117	KOS			KOS
118	KSB			KSB
119	LBM			LBM
120	LCG			LCG
121	LHG			LHG
122	LIX			LIX
123	LPB			LPB
124	LSS			LSS
125	MBB			MBB
126	MIG			MIG
127	MSB			MSB
128	MSH			MSH
129	MSN			MSN
130	MWG			MWG
131	NAF			NAF
132	NBB			NBB
133	NCT			NCT
134	NHA			NHA
135	NHH			NHH
136	NKG			NKG
137	NLG			NLG
138	NNC			NNC
139	NO1			NO1
140	NSC			NSC
141	NTL			NTL
142	OCB			OCB
143	OPC			OPC
144	ORS			ORS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	PAC			PAC
146	PAN			PAN
147	PC1			PC1
148	PDR			PDR
149	PET			PET
150	PGC			PGC
151	PHC			PHC
152	PHR			PHR
153	PLX			PLX
154	PNJ			PNJ
155	POW			POW
156	PPC			PPC
157	PTB			PTB
158	PVD			PVD
159	PVP			PVP
160	PVT			PVT
161	REE			REE
162	SAB			SAB
163	SAM			SAM
164	SBA			SBA
165	SBT			SBT
166	SCR			SCR
167	SCS			SCS
168	SFI			SFI
169	SGN			SGN
170	SGT			SGT
171	SHA			SHA
172	SHB			SHB
173	SHI			SHI
174	SIP			SIP
175	SJD			SJD
176	SJS			SJS
177	SKG			SKG
178	SMB			SMB
179	SSB			SSB
180	SSI			SSI
181	ST8			ST8

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
182	STB			STB
183	STG			STG
184	SVC			SVC
185	SZC			SZC
186	TCB			TCB
187	TCD			TCD
188	TCH			TCH
189	TCL			TCL
190	TCM			TCM
191	TCO			TCO
192	TDG			TDG
193	TDM			TDM
194	TDP			TDP
195	TEG			TEG
196	THG			THG
197	TIP			TIP
198	TLG			TLG
199	TMS			TMS
200	TNH			TNH
201	TNT			TNT
202	TPB			TPB
203	TRC			TRC
204	TTA			TTA
205	TV2			TV2
206	TVS			TVS
207	VCB			VCB
208	VCG			VCG
209	VCI			VCI
210	VDS			VDS
211	VFG			VFG
212	VGC			VGC
213	VHC			VHC
214	VHM			VHM
215	VIB			VIB
216	VIC			VIC
217	VID			VID
218	VIP			VIP

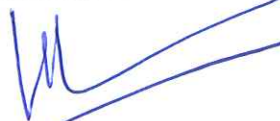
STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
219	VIX			VIX
220	VJC			VJC
221	VND			VND
222	VNG			VNG
223	VNM			VNM
224	VNS			VNS
225	VOS			VOS
226	VPB			VPB
227	VPG			VPG
228	VPI			VPI
229	VRE			VRE
230	VSC			VSC
231	VSH			VSH
232	VTO			VTO
233	VTP			VTP
234	YEG			YEG

NGƯỜI LẬP



Huỳnh Mỹ Tiên

KIỂM SOÁT



Lê Thị Minh Thu



Phó Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thu Hằng



